

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM KHI HỌC NGỮ ÂM TIẾNG TRUNG QUỐC VÀ ÁP DỤNG QUY TẮC TỪ HÁN VIỆT TRONG VIỆC ĐỌC NGỮ ÂM TIẾNG TRUNG QUỐC TRƯƠNG GIA QUYỀN* - DƯƠNG THỊ TRINH**

TÓM TẮT: Trong quá trình giảng dạy tiếng Trung Quốc (gọi tắt “tiếng Trung”) cho học sinh Việt Nam, chúng tôi nhận thấy việc dạy phát âm cũng là một trong những khó khăn mà giáo viên gặp phải. Mặc dù cả tiếng Việt và tiếng Trung đều là ngôn ngữ có thanh điệu, học sinh Việt Nam học thanh điệu Trung dễ dàng hơn so với những học sinh có tiếng mẹ đẻ không có thanh điệu, tuy nhiên cũng có những khó khăn nhất định, đó là âm bình (thanh điệu thứ nhất) và khứ thanh (thanh điệu thứ tư), không thể phát âm rõ ràng, hoặc biết cách phát âm của từ này là khứ thanh, nhưng khi phát âm lại không đạt đến độ cao quy định. Ngoài ra, việc đọc lẫn lộn giữa âm uốn lưỡi và âm không uốn lưỡi, phát âm sai các từ đa âm tiết cũng là những khó khăn trong việc dạy và học ngữ âm. Những lỗi sai của sinh viên nước ngoài khi học ngữ âm tiếng Trung chủ yếu do ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ của họ, và điều này cũng đúng với sinh viên Việt Nam. Để giảm bớt khó khăn cho học sinh Việt Nam trong việc học ngữ âm tiếng Trung, chúng tôi cố gắng dùng kinh nghiệm giảng dạy của mình kết hợp Khái niệm ngôn ngữ học trung gian và Khái niệm ngôn ngữ học đôi chiếu, phân tích những lỗi sai của học sinh về ngữ âm và tìm hiểu mối quan hệ giữa âm Hán Việt và ngữ âm tiếng Trung hiện đại. Tìm ra các quy tắc tương ứng, từ đó tìm ra phương pháp khắc phục hiệu quả các lỗi phát âm này nhằm giúp học sinh học tiếng Trung hiệu quả hơn, đồng thời cung cấp một số cơ sở thực tiễn cho giáo viên giảng dạy tiếng Trung làm tài liệu tham khảo.

TỪ KHÓA: lỗi phát âm; học sinh Việt Nam; khó khăn trong dạy học; quy tắc tương ứng; âm Hán Việt.

NHẬN BÀI: 14/07/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 09/11/2023

1. Đặt vấn đề

1.1. Tâm quan trọng trong việc dạy ngữ âm

Nhiệm vụ của việc dạy ngữ âm tiếng Trung như ngôn ngữ thứ hai là giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Trung và cách phát âm tiếng Trung phổ thông chính xác, để tạo nền tảng vững chắc cho người học khi giao tiếp bằng tiếng Trung. Ngữ âm là lớp vỏ của ngôn ngữ, có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học tiếng Trung. Theo 刘珣 Liu Xun (2000) “*Nếu bạn không học cách phát âm tốt, nó sẽ ảnh hưởng đến cách diễn đạt và khả năng nghe hiểu của bạn; Ngược lại, nếu bạn phát âm chuẩn, bạn có thể tạo cho đối phương ấn tượng tốt ngay khi bạn nói, từ đó tạo ra một bầu không khí giao tiếp hài hòa.*”.

Để học tốt tiếng Trung, việc tiếp xúc đầu tiên là các âm tiết trong tiếng Trung. Thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu là ba yếu tố của một âm tiết tiếng Trung, trong đó thanh điệu là phần quan trọng của một âm tiết. Nó không chỉ có chức năng phân biệt nghĩa của từ mà tiết tấu của thanh điệu làm cho âm tiết rõ ràng, to rõ hơn. Trong quá trình học tiếng Trung, việc thông thạo các thanh điệu là một trong những vấn đề khó khăn nhất đối với sinh viên nước ngoài. Dạy thanh điệu cũng là mắt xích quan trọng nhất trong dạy phát âm tiếng Trung. Trong ba yếu tố của âm tiết tiếng Trung, có thể nói thanh điệu chuyển tải nhiều thông tin nhất. Theo 赵金铭 Zhao Jinming, 孙德金 Sun Dejin (2006) .

“*Việc hình thành giọng đọc lơ lớ không phải là do đọc sai các thanh mẫu và vận mẫu, mà là bởi đọc sai thanh điệu và ở cấp độ cao hơn thanh điệu. Các thanh điệu của tiếng Trung chỉ có bốn, ít hơn nhiều so với thanh mẫu và vận mẫu. Nếu một thanh mẫu hoặc một vận mẫu nào đó đọc không chính xác, thì có thể không bị phát hiện. Nhưng nếu thanh điệu không chính xác, người ta sẽ ngay lập tức chú ý nghe nó, bởi vì trung bình cứ 4 âm tiết là sẽ xuất hiện một âm tiết có thanh điệu*”. Đối với giáo

* TS; Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP.HCM; Email: giaquyen@hcmussh.edu.vn

** TS; Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP.HCM; Email: duongtrinh@hcmussh.edu.vn

viên dạy tiếng Trung, nếu trong quá trình dạy âm tiết tiếng Trung chỉ nhấn mạnh thanh mẫu và vận mẫu mà lơ là việc dạy thanh điệu sẽ dẫn đến việc đọc không chuẩn xác, thậm chí dẫn đến người nghe hiểu sai ý và có khi khiến cho cuộc giao tiếp không đạt được kết quả như mong đợi.

Ngoài ra việc đọc sai thanh mẫu và vận mẫu trong tiếng Trung cũng thường xuyên xảy ra. Ví dụ như khi nào cần bật hơi như “菜” (*cài*), khi nào không cần bật hơi như “在” (*zài*); khi nào cần tròn miệng như “月” (*yuè*), khi nào không cần tròn miệng như “夜” (*yè*)... cũng là những vấn đề mà học sinh Việt Nam gặp phải khi mới học tiếng Trung.

May mắn là giữa ngữ âm tiếng Trung và âm Hán Việt của người Việt có một mối quan hệ tương ứng, đó là “âm Hán Việt”. Theo Nguyễn Tài Cẩn (1979), “Cách phát âm Hán Việt” là chỉ hệ thống ngữ âm được hình thành vào khoảng thế kỉ thứ 10 đến thế kỉ thứ 11 sau Công nguyên, tức là vào cuối Đường và đầu Tống, dựa trên ngữ âm tiếng Trung thời Đường (chủ yếu là ngữ âm Trường An trong thời Đường) và thông qua sự biến đổi của ngữ âm tiếng Việt. Về lí thuyết, mỗi chữ Hán đều có một âm Hán Việt, hay nói cách khác, hệ thống âm Hán Việt có thể được sử dụng để đọc bất kì chữ Hán nào trong tiếng Trung, bất kể những chữ Hán đó có được người Việt tiếp thu và sử dụng hay không (ví dụ: *chăm* 怎, *ma* 么, *giá* 这, v.v.). Với mối quan hệ này, việc học ngữ âm tiếng Trung Quốc sẽ giúp ích rất nhiều cho sinh viên Việt Nam.

1.2. So sánh đối chiếu âm đọc tiếng Trung và âm đọc âm Hán Việt của Việt Nam

(1) Về thanh mẫu

Tiếng Trung có 22 phụ âm đầu (bao gồm cả âm tiết không có phụ âm đầu¹), tiếng Việt có 23 phụ âm đầu và âm Hán Việt chỉ có 21 phụ âm đầu có thể đối ứng với âm tiếng Trung Quốc hiện đại (bao gồm cả không phụ âm đầu, không có chữ cái đầu tiếng Việt g/r). Đó là: *b; c, k, q; ch; d, gi; đ; h; kh; l; m; n; nh; ph; s; t; th; tr; v; x*.²

Hệ thống thanh mẫu tiếng Trung và âm Hán Việt không có phụ âm ghép, nhưng không giống như tiếng Trung, tất cả các phụ âm của âm Hán Việt đều có thể dùng làm phụ âm đầu, và một số phụ âm cũng có thể dùng làm phụ âm cuối vẫn. Trong số đó, chỉ có hai chữ cái đầu [m] và [l] có sự tương ứng cơ bản với các chữ cái đầu của tiếng Trung Quốc. Ví dụ: 买(*mǎi*)/*mại*; 美(*měi*)/*mỹ*; 满(*mǎn*)/*mãn*; 泪(*lèi*)/*lệ*; 流(*liú*)/*lưu*; 楼(*lóu*)/*lâu*,...

Hầu hết các phụ âm đầu của âm Hán Việt đều tương ứng với các thanh mẫu của tiếng Trung, nhưng chúng ít nhiều có sự xen kẽ. Một số phụ âm đầu trong âm Hán Việt có thể đồng thời tương ứng với nhiều thanh mẫu trong âm tiếng Trung, chẳng hạn phụ âm đầu trong âm Hán Việt tr[tʂ] có thể tương ứng với hai thanh mẫu trong tiếng Trung zh[tʂ] (ví dụ: *trung*/中 *zhōng*), ch[tʂʰ] (*trình*/程 *chéng*).

Ngược lại, một thanh mẫu trong tiếng Trung cũng có thể có quan hệ tương ứng với nhiều phụ âm trong âm Hán Việt, chẳng hạn t[tʰ] trong tiếng Trung có thể tương ứng với phụ âm đ[d], (ví dụ: *đàm*/谈 *tán*) và th[tʰ] (như *thôi*/推 *tuī*) trong âm Hán Việt.

(2) Về vận mẫu

Tiếng Việt hiện nay có hàng trăm vần, nhưng chỉ có 81 vần được dùng trong hệ thống ngữ âm của âm Hán Việt. Mối quan hệ tương ứng giữa các vần của âm Hán Việt với các vận mẫu tiếng Trung tương đối phức tạp, một số vận mẫu gần như có thể tương ứng với nhiều vần của âm Hán Việt. Ví dụ:

a. Vần đơn: Vần ơ [ə] trong âm Hán Việt tương ứng với các vận mẫu i[i], u[u], uo[uo] của tiếng Trung, ví dụ: *cơ*/机 *jī*, *trợ*/助 *zhù*, *sở*/所 *suǒ*; vần đơn a[A] tương ứng với các vận mẫu a[a], uo[uo] của tiếng Trung, ví dụ: *ma*/麻 *má*, *la*/罗 *luó*.

b. Vần ghép: ví dụ vần ưu [iu] tương ứng với các vận mẫu ou[ou], iou[iou], ví dụ: *mưu*/谋 *móu*, *cửu*/九 *jiǔ*;

c. Vần có âm cuối là âm mũi: Các vần có âm cuối là âm mũi như là m[m], n[n], nh[ɲ], ng[ŋ] sẽ tương ứng với các vận mẫu âm có âm cuối là n [n], ng[ŋ] ví dụ: *cảm*/感 *gǎn*, *quyền*/权 *quán*, *minh*/明 *míng*, *huống*/况 *kuàng*; vần iên [ien] của âm Hán Việt tương ứng với vận mẫu ian [iæn], an [an] của tiếng Trung, ví dụ: *tiền*/前 *qián*, *kiến*/见 *jiàn*, *chiến*/占 *zhàn*...

d. Vẫn có các âm tắc đứng cuối: Vẫn cuối trong âm Hán Việt là âm tắc như p[p], t[t], c[k] sẽ tương ứng với vận mẫu i [i][¹][²] của tiếng Trung, ví dụ ie[ie] hoặc üe[üe], e[ɤ] hoặc ei[ei], ví dụ: *lập/立 lì*, *cập/及 jí*, *thập/十 shí*, *diệt/灭 miè*, *liệt/列 liè*, *việt/越 yuè*, *khắc/克 kè*, *đắc/得 dé*, *bắc/北 běi*, *hắc/黑 hēi*,...

(3) Về thanh điệu

Tiếng Việt có 6 thanh điệu, gồm (bên trong ngoặc chỉ giá trị độ cao của thanh): “thanh bằng còn gọi là thanh ngang (44), thanh huyền (211), thanh hỏi (313), thanh ngã (425), thanh sắc (334), thanh nặng (331)”. Tiếng Trung có 4 thanh, gồm (bên trong ngoặc chỉ giá trị độ cao của thanh): “âm bình (55), dương bình (35), thượng thanh (214), khứ thanh (51)”. Tuy thanh điệu của âm Hán Việt và thanh điệu của tiếng Trung hiện đại có sự khác biệt về số lượng thanh điệu và độ cao thanh điệu, nhưng âm Hán Việt xuất phát từ tiếng Trung nên chúng có những mối quan hệ nhất định với thanh điệu của tiếng Trung cổ đại. Theo kết quả nghiên cứu trong luận văn tiến sĩ “Mối quan hệ đối ứng của hệ thống ngữ âm tiếng Việt và tiếng Trung” của Nghiêm Thúy Hằng (năm 2002) và “Đặc điểm ngữ âm của ngữ tố âm Hán Việt và phương pháp giảng dạy từ Hán Việt” của Phạm Thị Duyên Hồng (năm 2019), chúng tôi tổng hợp lại và có thể quy ra được nguyên tắc sau:

Khi khảo sát [1060 chữ] có âm Hán Việt là thanh ngang (độ cao 44) thì có [731 chữ] ở tiếng Trung hiện đại sẽ đọc âm bình (độ cao 55) như “*师(sư: shī)*, *天(thiên: tiān)*” chiếm 69%, có [271 chữ] khi ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc dương bình (độ cao 35) như “*麻(ma: má)*, *龙(long: lóng)*” chiếm 25,6%. Tổng tỉ lệ đối ứng là 94,6%.

Khi khảo sát [423 chữ] có âm Hán Việt là thanh huyền (độ cao 211) thì có [22 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc âm bình (độ cao 55) như “*蛛(thù: zhū)*, *锥(chùy/trùy: zhū)*” chiếm 5,2%; có [381 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc dương bình (độ cao 35) như “*玄(huyền: xuán)*, *同(đồng: tóng)*” chiếm 90,1%; có [19 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc khứ thanh (độ cao 51) như “*鲍(bào: bào)*, *份(phần: fēn)*” chiếm 4,5%. Tổng tỉ lệ đối ứng là 99,8%.

Khi khảo sát [412 chữ] có âm Hán Việt là thanh hỏi (độ cao 313) thì có [358 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc thượng thanh (độ cao 214) như “*讲(giảng: jiǎng)*, *口(khẩu: kǒu)*”, chiếm 86,9%; có [42 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc khứ thanh (độ cao 51) như “*综(tổng: zōng)*, *稍(sáo: shào)*”, chiếm 10,2%. Tổng tỉ lệ đối ứng là 97,1%.

Khi khảo sát [219 chữ] có âm Hán Việt là thanh ngã (độ cao 325) thì có [161 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc thượng thanh (độ cao 214) như “*女(nữ: nǚ)*, *老(lão: lǎo)*” chiếm 73,5%; có [53 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc khứ thanh (độ cao 51) như “*社(xã: shè)*, *刃(nhẫn: rèn)*”, chiếm 24,2%. Tổng tỉ lệ đối ứng là 97,7%.

Khi khảo sát [437 chữ] có âm Hán Việt là thanh nặng (độ cao 331) thì có [416 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc khứ thanh (độ cao 51) như “*近(cận: jìn)*, *位(vị: wèi)*”, chiếm 95,2%. Ngoài ra khi khảo sát [259 chữ] có âm Hán Việt là thanh nặng (độ cao 331) nhưng có âm cuối là -t, -c (còn gọi là thanh nhập), thì có [143 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc khứ thanh (độ cao 51) như “*物(vật: wù)*, *续(tục: xù)*” chiếm 55,2%; có [101 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc dương bình (độ cao 35) như “*读(đọc: dú)*, *别(biệt: bié)*”, chiếm 39%. Tổng tỉ lệ đối ứng là 94,2%.

Khi khảo sát [473 chữ] có âm Hán Việt là thanh sắc (độ cao 334) thì có [447 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc khứ thanh (độ cao 51) như “*去(khứ: qù)*, *事(sự: shì)*”, chiếm 94,5%. Ngoài ra khi khảo sát [324 chữ] có âm Hán Việt là thanh sắc (độ cao 334) có âm cuối là -t, -c (còn gọi là thanh nhập), thì có [102 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc âm bình (độ cao 55) như “*七(thất: qī)*, *黑(hắc: hēi)*” chiếm 31,5%; có [65 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc dương bình (độ cao 35) như “*吉(cát: jí)*, *竹(trúc: zhú)*”, chiếm 20,1%; có [39 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc thượng thanh (độ cao 214) như “*骨(cốt: gǔ)*, *北(bắc: běi)*”, chiếm 12%; có [118 chữ] ở tiếng Hán hiện đại sẽ đọc khứ thanh (độ cao 51) như “*室(thất: shì)*, *刻(khắc: kè)*”, chiếm 36,4%. Tổng tỉ lệ đối ứng là 100%.

2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.1. Những khó khăn của sinh viên Việt Nam khi học ngữ âm tiếng Trung và nguyên nhân gây nên lỗi sai trong việc phát âm

2.1.1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát của chúng tôi là toàn bộ kết quả bài thi cuối kì môn Chính âm của 120 sinh viên năm thứ nhất (năm học 2019-2020) Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM), trong đó 12 nam, 108 nữ. Trước khi vào khoa đa số đều chưa học tiếng Trung trước đó, một số ít là người Hoa hoặc trước đây có tiếp xúc một ít tiếng Trung. Tính đến ngày khảo sát, trình độ của sinh viên đang trong giai đoạn sơ cấp. Môn chính âm là một môn học tự chọn trong học kì 1 của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM, mục tiêu môn học là giúp người học chỉnh sửa lại những phát âm bị sai, giúp người học hiểu rõ cách phát âm các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu, er hóa trong tiếng Trung, từ đó người học có thể phát âm chuẩn hơn, để học tốt hơn. Môn học gồm 30 tiết lí thuyết lẫn thực hành, thi cuối kì.

2.1.2. Hình thức khảo sát, lấy mẫu

Bài thi cuối kì môn “Chính âm” là thi dưới dạng khẩu ngữ, giảng viên và sinh viên mỗi người cùng cầm một đề thi có mã đề như nhau, sinh viên đọc sai âm nào thì giảng viên sẽ khoanh vào đề đang cầm trong tay của giảng viên (nội dung thi bao gồm đọc các từ đơn âm tiết, hai âm tiết, biến điệu, er hóa, chữ có nhiều âm đọc trong câu.) Suốt quá trình thi của sinh viên, chúng tôi đều ghi âm lại. Sau đó, dựa vào băng chấm điểm của giám khảo đã khoanh, chúng tôi lọc ra những lỗi sai, rồi tiến hành phân loại, thống kê những lỗi sai mà sinh viên khi tiến hành thi cuối kì mắc phải.

Khi đọc thanh điệu, chúng tôi thống kê được có 68 sinh viên đọc sai âm bình thành khứ thanh, và ngược lại, tức không phân biệt được âm bình và khứ thanh, chiếm 56,6%; kể đó là 39 sinh viên đọc sai âm uốn lưỡi thành âm không uốn lưỡi trước hoặc ngược lại, tức không phân biệt được âm đầu lưỡi trước và âm đầu lưỡi sau, chiếm 32,5%; song song đó có 35 sinh viên đọc sai các chữ nhiều âm đọc, chiếm 29,2%. Và đương nhiên còn những lỗi sai khác nhưng vì bài viết giới hạn về số chữ nên chúng tôi chỉ tiến hành phân tích, giải thích những lỗi sai chiếm tỉ lệ cao nhất.

Ngoài ra, để xác định rõ hơn trong việc thống kê lỗi sai ở đọc sai thanh điệu, chúng tôi chọn ngẫu nhiên 11 sinh viên trong số 68 sinh viên đọc sai âm bình và khứ thanh (chiếm 16,2%), khảo sát chuyên sâu bằng cách thông qua phần mềm Praat, tiến hành đo độ cao của các thanh, phát hiện rằng khi đọc khứ thanh, độ cao không đạt độ cao tiêu chuẩn chiếm tỉ lệ cao nhất.

Quy trình xử lí bằng phần mềm được tiến hành như sau: Trước tiên chúng tôi lưu ngữ liệu ghi âm đọc của sinh viên vào máy tính, sau đó dùng phần mềm Praat để hiển thị hình ảnh diễn tiến đường nét bốn thanh của các mẫu thử. Khi đưa ngữ liệu vào, khung màn hình của phần mềm Praat sẽ hiển thị hai cửa sổ, (1) Praat Objects (dùng để phân tích, hiển thị các thông số âm học) và (2) Praat Picture (dùng để vẽ các đường nét cao độ, cường độ,...). Cửa sổ Praat Objects, được chia làm hai màn hình: màn hình phía trên hiển thị dạng sóng của âm thanh và màn hình phía dưới hiển thị các thông số. Trục tung bên phải của khung màn hình của cửa sổ Praat Objects là hệ đo Hertz (Hz), trục tung bên trái là hệ đo cao độ khách quan của âm. Trục ngang hiển thị thông số về trường độ của âm, được đo bằng mili giây (ms), các khoảng đo cách nhau 10ms cho phép theo dõi diễn tiến đường nét của cao độ; cường độ được đo bằng decibel (dB).

2.2. Thực trạng những khó khăn của sinh viên Việt Nam khi học ngữ âm tiếng Trung và nguyên nhân gây nên lỗi sai trong việc phát âm

2.2.1. Không phân biệt được âm bình và khứ thanh

Như đã giải thích như trên, trong 120 sinh viên được khảo sát, có 56,6% sinh viên đọc sai âm bình thành khứ thanh hoặc ngược lại, tức không phân biệt được sự khác biệt của hai thanh này, dẫn đến việc đọc sai biến điệu của “一” (yì) và “不” (bù). Nguyên nhân gây ra lỗi sai là do không nhớ được âm tiết đó là âm bình hay khứ thanh, và không nắm được cách đọc của hai thanh đó. Âm bình (có độ cao là 55) và khứ thanh (có độ cao là 51) của tiếng Trung giống nhau đều là thanh điệu kéo dài, nên sinh viên không phân biệt được hai thanh; nguyên nhân khác nữa là do sự chuyển di ngôn ngữ tiêu

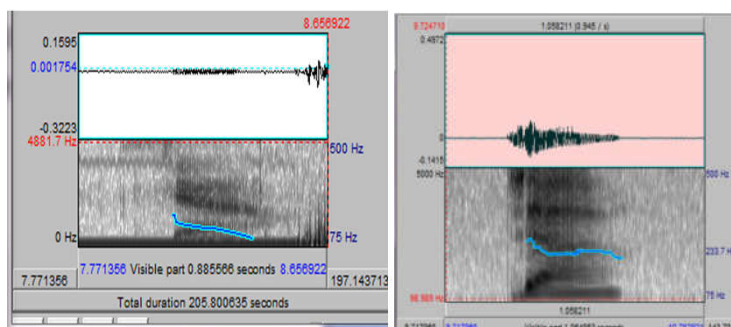
cực từ tiếng mẹ đẻ vì tiếng Việt không có thanh điệu nào từ độ cao nhất hạ xuống độ thấp nhất một cách đột ngột như thế. Theo luận văn “Thử bàn về quy luật ngôn ngữ trong ứng dụng giảng dạy Hán ngữ quốc tế” cũng có cho rằng: “*Sinh viên Việt Nam khi đọc thanh tự hạ xuống quá nhanh, vì thời lượng không đủ dài, nên độ cao thường khoảng 31 chứ không phải 51. Sở dĩ như thế là vì tiếng Việt không có thanh tự (khử thanh), chỉ có thanh huyền với độ cao 21 và thanh hỏi với độ cao 313; sinh viên Việt Nam thường đọc nhầm thanh một và thanh tự của tiếng Trung...*”. Giáo viên khi dạy thanh điệu cho sinh viên nên chú ý vấn đề này và tìm ra phương pháp giảng dạy hiệu quả nhất.

Tuy có rất nhiều phương pháp có thể khắc phục cách đọc sai thanh một và thanh tự của sinh viên, nhưng chúng tôi thấy rằng có thể thông qua quy luật đối ứng về ngữ âm của âm Hán Việt và âm tiếng Trung để giúp sinh viên phân biệt hai thanh trên. Tiếng Việt trong quá trình phát triển chịu ảnh hưởng rất nhiều từ tiếng Trung, và trong tiếng Việt tồn tại một lượng lớn âm Hán Việt có tính hệ thống, đặc điểm này có tác dụng rất lớn trong việc phân biệt thanh một và thanh tự, như tỉ lệ thống kê được tổng hợp ở mục “(3) về thanh điệu” của phần “So sánh đối chiếu âm đọc tiếng Trung và âm đọc âm Hán Việt của Việt Nam” đã nêu ở trên. Có thể thấy rằng, ngoài thanh nhập tương đối phức tạp ra, còn lại nếu âm Hán Việt là thanh nặng, thì đa phần âm tiếng Trung sẽ là thanh tự (chiếm 55%); âm Hán Việt là thanh sắc, thì đa phần âm tiếng Trung sẽ là thanh tự (chiếm 94,5%) cũng như thế, âm Hán Việt nếu là thanh ngang, thì âm tiếng Trung đa phần là thanh một (chiếm 69%). Ngoài ra, trong luận văn thạc sĩ của Nguyễn Tấn Trường An (2018) “Nghiên cứu về lợi ích của âm Hán Việt trong việc phân biệt âm một thanh và bốn thanh của tiếng Trung” đã thông qua việc khảo sát 2636 âm Hán Việt đã đưa ra kết quả khảo sát như sau: “Tỉ lệ tương ứng của thanh một của tiếng Trung với thanh ngang của tiếng Việt cao đến 87,76%,...tỉ lệ tương ứng thanh thứ tư của tiếng Trung với thanh nặng và thanh sắc của tiếng Việt tổng cộng là 82,29%, trong đó tương ứng với thanh nặng là 47,17%, với thanh sắc là 35,22%.”. Như vậy, đối với sinh viên Việt Nam, nếu như không phán đoán được âm tiết chữ Hán đó là thanh một (âm bình) hay thanh tự (khử thanh), thì có thể thông qua việc xác định âm Hán Việt của chữ Hán đó là thanh ngang, thanh sắc hay thanh nặng để tìm ra thanh điệu chính xác của chữ Hán đó. Tuy quy luật này không chuẩn xác 100%, nhưng trên thực tế, vô cùng có ích đối với sinh viên Việt Nam đặc biệt là những người mới tiếp cận tiếng Trung.

2.2.2. Không đọc đúng độ cao của khứ thanh của tiếng Trung

2.2.2.1. Khảo sát đơn âm tiết

Việc phát âm của khứ thanh là phức tạp nhất, trong số 11 đối tượng được ghi âm được chọn khảo sát ngẫu nhiên như đã nêu ở trên, chúng tôi đã nhờ đến sự phân tích của phần mềm Praat, phát hiện rằng có 22,7% đọc khứ thanh ở độ cao 42, tức khi bắt đầu đọc không đưa được lên độ cao nhất, và khi hạ xuống cũng không đạt đến độ thấp nhất là độ 1; có 18% đọc khứ thanh ở độ cao 43, khởi đầu không cao và biên độ giảm xuống rất nhỏ; có 59,3% đọc khứ thanh ở độ cao 44, có thể thấy rằng vì sinh viên không nắm bắt được cách đọc khứ thanh nên quyết định đọc thành thanh ngang của tiếng Việt.



Hình 1. Sinh viên Việt Nam đọc chữ “架” (jià) ở độ cao 42 (trái) và độ cao 44 (phải)

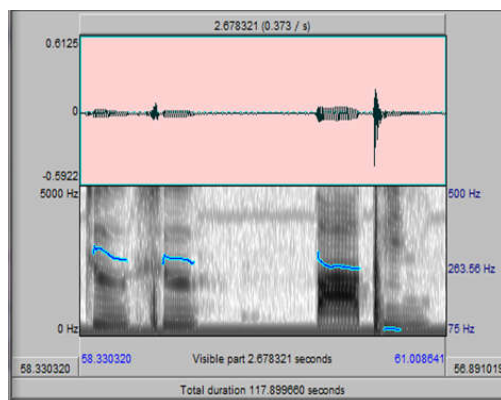
Sinh viên Việt Nam khi đọc thanh điệu này, hoặc là sẽ đọc thành thanh một, hoặc sẽ đọc thành thanh có độ cao 43 hoặc 42. Những sinh viên đọc thành thanh một vì không ý thức được có sự tồn tại của thanh tự trong tiếng Trung, không biết cách đọc, chỉ biết rằng đó là một âm cao, nên đọc cao ở độ

44 mà hoàn toàn không để ý đến hướng đi của thanh. Những sinh viên đọc thành thanh có độ cao 43 hoặc 42 chứng tỏ sinh viên hiểu được có sự tồn tại của thanh tự, nhưng vì không nắm bắt được cách đọc chuẩn xác, nên cao chỉ đến 4 và giảm xuống mức 3 hoặc 4, biên độ giảm rất nhỏ so với thanh tự của tiếng Trung.

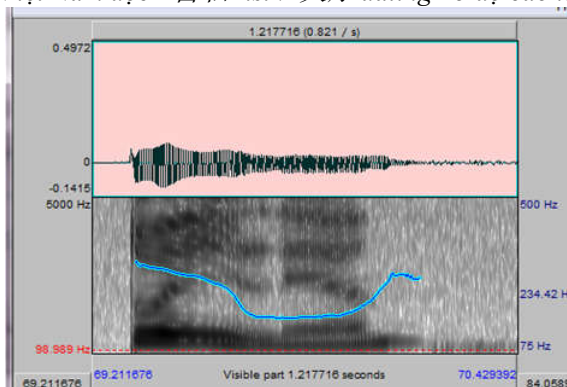
2.2.2.2. Khảo sát song âm tiết

(1) Chữ đầu là âm tiết có thanh tự

Thanh tự là thanh điệu đi từ độ cao 5 giảm xuống độ cao 1, khi đứng trước các thanh điệu khác nên đọc ở độ cao 53. Nhưng từ kết quả khảo sát, dường như không phát hiện sinh viên đọc được thanh này, cụ thể đọc thành độ cao 41 chiếm 45,%, đọc thành độ cao 32 chiếm 6,8%, đọc thành 44 chiếm 47,7%.



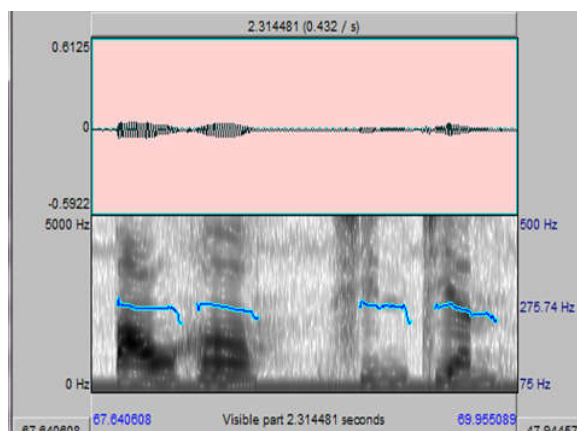
Hình 2. Sinh viên Việt Nam đọc “自私 zìsī、大厅 dàitīng” ở độ cao là 44 (trái) và 41 (phải)



Hình 3. Sinh viên Việt Nam đọc “对联 duìlián” duỗi dài với độ cao 32

(2) Chữ cuối là âm tiết có thanh tự

Chữ cuối là âm tiết có thanh tự trong tất cả mọi tình huống đều phải đọc với độ cao 51, điều này đối với sinh viên Việt Nam là một điểm khó, kết quả đọc sai như sau: Đọc thành độ cao 44 chiếm 54,5%; đọc thành độ cao 43 chiếm 37,5%, đọc thành độ cao 32 chiếm 8,0%.



Hình 4. Sinh viên Việt Nam đọc “道贺 dào hè、信件 xìn jiàn” đọc sai ở độ cao 44、43

Từ kết quả khảo sát, chúng ta thấy rằng, sinh viên được khảo sát hầu như đều đọc thành thanh tư, không phân biệt được âm bình hay khứ thanh. Nhất là khi hai âm tiết đều là khứ thanh, hoặc cả hai thanh đều là âm bình, hoặc là trước âm bình, sau khứ thanh, hoặc trước trước khứ thanh, sau âm bình, không có một chuẩn nhất định. Hơn nữa, khi đọc khứ thanh thì độ cao chỉ đạt độ 4 và giảm chỉ ở mức 2 hoặc 3, sinh viên khi ý thức được rõ là thanh tư thì sẽ đọc với độ cao 41, nhưng trong khi đọc câu dài thì sẽ không chú ý lắm đến thanh tư. Chúng tôi cho rằng, lỗi sai này tương đối nghiêm trọng, không nên xem nhẹ.

Hiểu được lỗi sai này của sinh viên Việt Nam, khi dạy về ngữ âm, giáo viên nên chú ý đến đặc điểm của thanh một (âm bình), thanh tư (khứ thanh) của tiếng Trung, hướng dẫn sinh viên đọc chính xác hơn.

2.3. Không phân biệt được âm đầu lưỡi trước (âm không uốn lưỡi) và âm đầu lưỡi sau (âm uốn lưỡi)

Trong 120 đối tượng khảo sát, có 39 đối tượng đọc âm đầu lưỡi trước thành âm đầu lưỡi sau, hoặc ngược lại, chiếm 32,5%. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc đọc sai âm đầu lưỡi trước và đầu lưỡi sau là do sinh viên không phân biệt được âm nào nên uốn lưỡi, thanh nào không cần uốn lưỡi, một nguyên nhân khác là có khả năng do chuyển di ngôn ngữ tiêu cực tiếng mẹ đẻ, vì trong hệ thống khẩu ngữ của người miền Nam Việt Nam, không có âm uốn lưỡi, nên người học thường không phân biệt được âm uốn lưỡi và âm không uốn lưỡi.

Đối với lỗi sai này, chúng ta có thể tận dụng sự đối ứng giữa âm Hán Việt và âm tiếng Trung để sửa lỗi sai này. Từ số liệu thống kê của Bảng 1 có thể thấy được rằng, tỉ lệ đối ứng mang tính quy luật là khá cao, điều này chứng minh rằng mối quan hệ đối ứng của âm Hán Việt và tiếng Trung rất rõ rệt. Thanh mẫu của âm Hán Việt bất luận là âm uốn lưỡi (tr/s) hay không uốn lưỡi (ch/x), đa số đối ứng với âm uốn lưỡi của tiếng Trung. Vì thế, khi giảng dạy giáo viên có thể nhắc nhở sinh viên rằng, nếu âm Hán Việt của âm tiết đó là tr/s hay ch/x thì âm tiếng Trung của chúng sẽ là âm uốn lưỡi. Vậy nên trước khi xác định âm đọc tiếng Trung ta có thể xem xét trước âm Hán Việt của chúng có phải là tr/s hay ch/x hay không, nếu đúng thì âm tiếng Trung sẽ là âm uốn lưỡi. Tuy quy luật này không chính xác 100% nhưng trên thực tế cũng giúp rất nhiều cho những người lần đầu tiếp xúc với tiếng Trung.

Bảng 1. Bảng đối ứng phụ âm đầu của âm Hán Việt và thanh mẫu tiếng Trung

Phụ âm đầu của âm Hán Việt (số chữ khảo sát được)	Thanh mẫu tiếng Trung	Số chữ đối ứng với âm Hán Việt	Ví dụ	Tỉ lệ %	Tỉ lệ cộng gộp
Tr [tʂ] (163)	Zh	107	中 trung /zhong、哲 triết / zhe	65,6	87%

	Ch	25	茶 trà/ cha、池 trì/ chi	15,3	
	z	10	责 trách/ze、择 trạch/ ze	6,1	
Ch [c] (106)	Zh	99	钟 chung/ zhong、招 chiêu/zhao	93,4	93,4%
x [s] (65)	Ch	36	唱 xướng/ chang、车 xa/che	55,4	90,8%
	Sh	12	舍 xá/ she、蛇 xà/ she	18,5	
	q	11	侵 xâm/qin、巧 xảo/qiao	16,9	
s [ʃ] (140)	Ch	46	超 siêu/chao、创 sang/chuang	32,9	75,1%
	Sh	48	帅 soái/shuai、双 song/shuang	34,3	
	s	11	色 sắc/se、所 sở/ suo	7,9	

2.4. Lỗi sai khi đọc chữ có nhiều âm đọc

Vì đối tượng khảo sát đều là những sinh viên mới học tiếng Trung được một học kì, nên số chữ có nhiều âm đọc không nhiều, chỉ xuất hiện một vài chữ có nhiều âm đọc, một số ví dụ sau đây được trích ra từ “Giáo trình Hán ngữ” của Dương Kỳ Châu, ví dụ như chữ 行 *hành/ hàng* (“银行 ngân hàng” xuất hiện trong bài 3 quyển 1, “自行车 *tự hành xa*, xe đạp” (xuất hiện trong bài 14 quyển 1); 长 *trường/ trưởng* (校长 *hiệu trưởng*) (Bài 10)——很长 *hắn trường*: rất dài (Bài 19); 好 *hảo/ háo* (你好 *nễ hảo*: Xin chào ở Bài 1 ——爱好 *ái hảo*: sở thích ở Bài 22)... Như đã nói ở trên, có 35 sinh viên đọc sai chữ có nhiều âm đọc, chiếm 29,2%. Nguyên nhân dẫn đến lỗi sai là do sinh viên bị “hiệu ứng thiên kiến” (còn gọi là “tác động đầu tiên”). Theo A. S. Lochins, những thông tin tiếp nhận ban đầu ảnh hưởng rất lớn đến những nhận thức sau này, con người luôn có xu hướng ghi nhớ những thông tin được tiếp nhận lần đầu tiên. Thứ tự của việc tiếp nhận thông tin có ảnh hưởng đến hiệu quả của việc tiếp thu kiến thức, ảnh hưởng “tác động đầu tiên”, thì những âm nào xuất hiện trước nhất sẽ được tiếp thu nhanh nhất. Tác dụng kích thích về lần đầu tiên đối với não bộ con người là mạnh mẽ nhất, nên thông tin sẽ được não bộ tiếp nhận nhanh nhất, khi cần tái hiện thì thông tin đã được tiếp nhận trước đó sẽ được tái hiện đầu tiên vì nó được ghi nhớ lâu nhất và sâu sắc nhất. Với sự ảnh hưởng do tác động đầu tiên, thì việc tiếp thu âm đọc khác so với âm đọc đầu tiên trong chữ Hán là một điều khó khăn cho người mới bắt đầu học, ví dụ khi học chữ “行” (*hàng*: đọc là háng) của từ “银行 *ngân hàng*”, người học sẽ nhớ ngay âm này và khi học đến “行” (*hành*: đọc là xíng) của “自行车 *tự hành xa*: xe đạp” người học sẽ đọc ngay thành “xíng”. Một nguyên nhân khác là do người học không chú ý đến nghĩa của từ, khi thấy hình dạng của chữ là đọc theo phản xạ chứ không suy xét đến nghĩa trong từ hoặc trong câu.

Tuy có thể phân biệt âm đọc bằng nghĩa của từ hoặc từ loại của từ, nhưng đối với người học là người Việt Nam, rất nhiều chữ có nhiều âm đọc có thể thông qua âm Hán Việt để tìm ra âm đọc chính xác, và đây cũng là một phương pháp hữu hiệu. Ví dụ “行 *hành/ hàng*” khi âm Hán Việt là “hành” thì âm tiếng Trung sẽ là “xíng”, nếu âm Hán Việt là “hàng” thì tiếng Trung sẽ là “háng”; “长 *trường/ trưởng*” âm Hán Việt đọc là “trường” thì tiếng Trung sẽ là “cháng”, âm Hán Việt đọc là “trưởng” thì tiếng Trung sẽ là “zhǎng”; nếu “乐 *lạc/ nhạc*” âm Hán Việt đọc là “nhạc” thì âm tiếng Trung sẽ là “yuè”, nếu âm Hán Việt là “lạc” thì âm tiếng Trung sẽ là “lè”; “好 *hảo/ háo*” nếu âm Hán Việt là “hảo” thì âm tiếng Trung sẽ là “hǎo”, nếu âm Hán Việt là “háo” hay “hiếu” thì âm tiếng Trung sẽ là “hào”.

3. Kết luận

Hệ thống ngữ âm tiếng Trung và hệ thống âm Hán Việt có quy luật đối ứng khá chặt chẽ, tuy trải qua thời gian dài, sự đối ứng này không còn đúng hoàn toàn nhưng cũng có sự hỗ trợ nhất định đối với việc xác định thanh mẫu và thanh điệu của tiếng Trung cho sinh viên nội ngữ và người học là người Việt Nam nói chung. Vì thế người học nếu có sự tìm hiểu và nắm bắt được các quy luật đối ứng giữa âm Hán Việt và âm tiếng Trung sẽ có hiệu quả không nhỏ trong việc xác định thanh điệu chữ thanh hay âm bình hoặc xác định là thanh mẫu uốn lưỡi hay âm không uốn lưỡi trong âm tiết tiếng Trung thông qua âm Hán Việt.

Chú thích:

¹ Âm tiết không phụ âm đầu: 零声母音节

² Số liệu được tổng hợp từ bài viết của Lưu Hớn Vũ (2022), Quan hệ đối ứng giữa phụ âm đầu trong tiếng Hán hiện đại và phụ âm đầu trong âm Hán Việt, tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 7(328)/2022, trang 64.

TÀI LIỆU THAM KHẢO**Tiếng Việt:**

1. Lưu Hớn Vũ (2022), *Quan hệ đối ứng giữa phụ âm đầu trong tiếng Hán hiện đại và phụ âm đầu trong âm Hán Việt*, Ngôn ngữ và Đời sống, số 7(328)/2022.
2. Nguyễn Tài Căn (1979), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
3. Nghiêm Thúy Hằng (2006), *Mối quan hệ đối ứng của hệ thống ngữ âm tiếng Việt và tiếng Trung*, luận án tiến sĩ Trường Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Trung Quốc.
4. Nguyễn Đình Hiền (2020), *Bản về quy luật ngôn ngữ ứng dụng trong giảng dạy tiếng Trung quốc tế*, Trong “Giáo dục tiếng Trung Quốc tế trong thời đại mới”, Nxb Khoa học xã hội.
5. Phạm Thị Duyên Hồng (2019), *Đặc điểm ngữ âm của ngữ tố âm Hán Việt và phương pháp giảng dạy từ Hán Việt*, Kỷ yếu hội thảo “Giảng dạy tiếng Trung”, Nxb Đại học Sư phạm TPHCM.

Tiếng Hán

6. 刘珣 Liu Xun (2000), 《对外汉语教学引论》, 北京语言大学出版社
7. 熊晓华 Xiong Xiaohua (2019), 汉语语音对越南语语音的影响, 《课程教育研究》, 第 12 期。
8. 赵金铭 Zhao Jinming, 孙德金 Sun Dejin (2006), 《对外汉语语音及语音教学研究》, 商务印书馆。

A brief talk on the difficulties of Vietnamese students in learning Chinese phonetics and the application of relevant rules of Sino-Vietnamese pronunciation in teaching

Abstract: In the process of teaching Vietnamese students to learn Chinese, we have found that phonetics teaching is also difficult. Although Vietnamese and Chinese are both tonal languages, Vietnamese students are slightly easier to learn Chinese tones than students whose native language is a silent tone language, there are also difficulties, such as the indistinguishable distinction between Level Tone (the first tone) and Falling Tone (the fourth tone) or knowing that the pronunciation of their characters is Falling Tone, but the pronunciation is not insufficient. In addition, the mixed reading of rolled and non-rolled tongue sounds and the misreading of polysyllabic characters are also difficult points in phonetic teaching and learning. Foreign students' errors in learning Chinese phonetic are mainly influenced by their own mother tongue, the same as Vietnamese students. In order to reduce the difficulty of Vietnamese students in learning Chinese phonetic, we will combine our own teaching experience with interlanguage theory and comparative hypothesis theory to the greatest extent. Starting with the problems that students encounter in phonetics, we will explore the relevant rules between Sino-Vietnamese pronunciation and modern Chinese phonetics and find effective methods to solve these articulation and pronunciation errors, so as to improve the efficiency of students in learning Chinese. At the same time, it can also provide some practical basis and reference materials for teachers engaged in Chinese language teaching.

Key words: Phonetic errors; Vietnamese students; teaching difficulties; relevant rules; Sino-Vietnamese pronunciation.